FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển TDT (HNX: TDT)

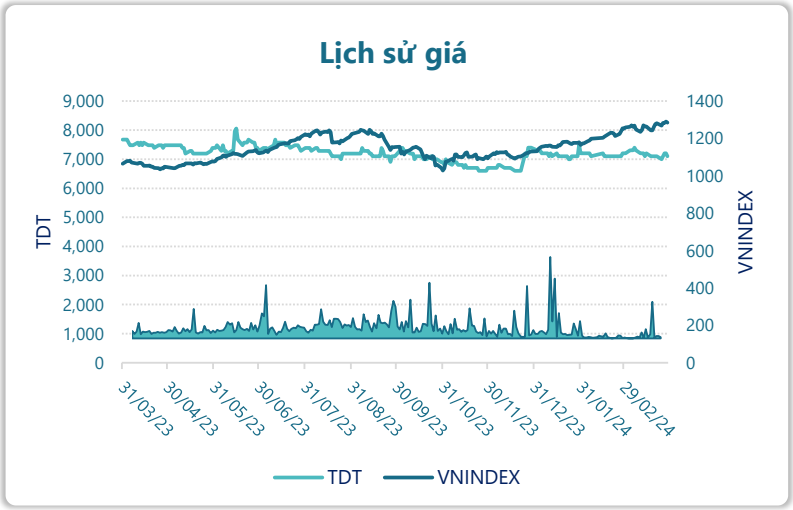

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,055
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	23,896,534
KLGD BQ 20 phiên (CP)	56,510
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	170
P/E	12.8
EPS	555

DT thuần

Q1/24

73.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼65.6| -47.2%

YoY: ▼3.80| -4.9%

LN sau thuế

Q1/24

0.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.02| -9.2%

YoY: ▼0.17| -49.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

6.6%

+/- YoY: ▼ 1.0%

DT thuần

2023

487

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 82.0| 20.4%

LN sau thuế

2023

13.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.60| -30.1%

ROE

2023

4.9%

+/- YoY: ▼ 2.5%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

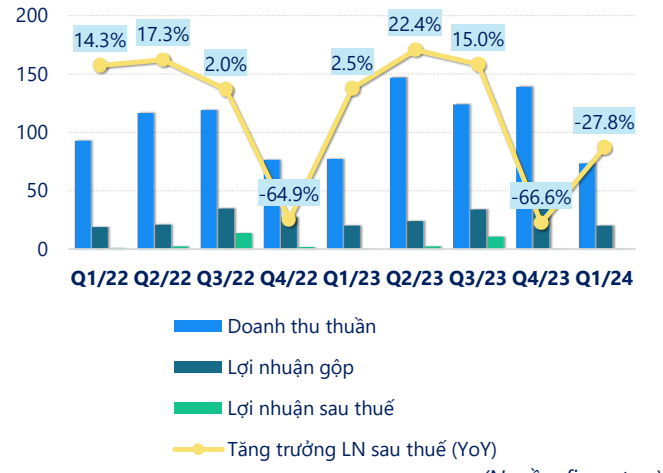

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

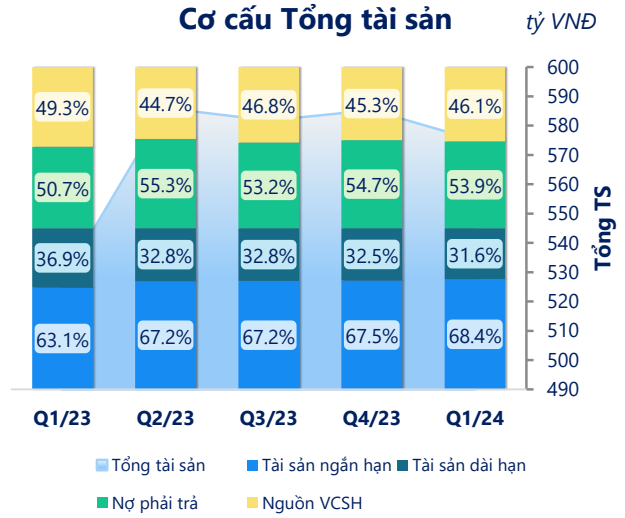

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

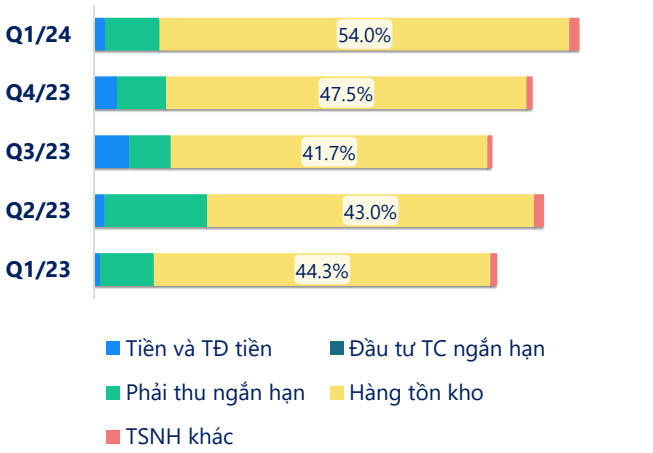

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

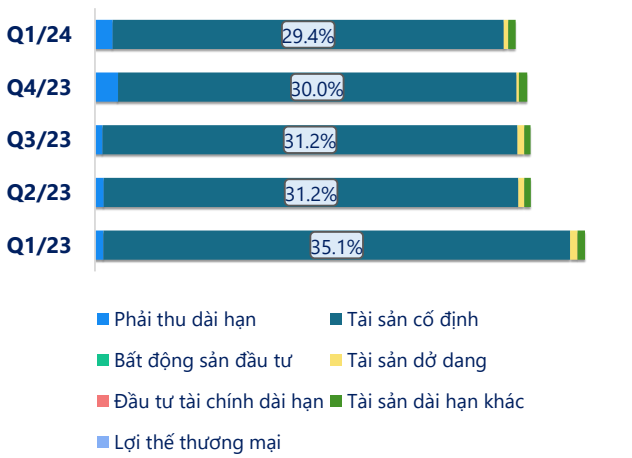

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

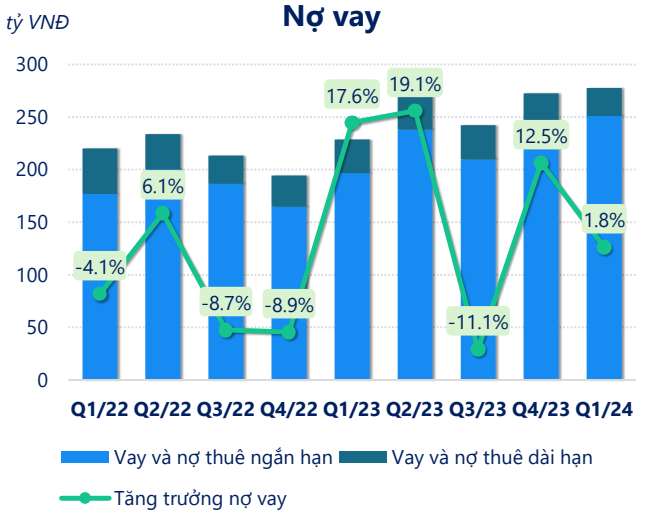

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

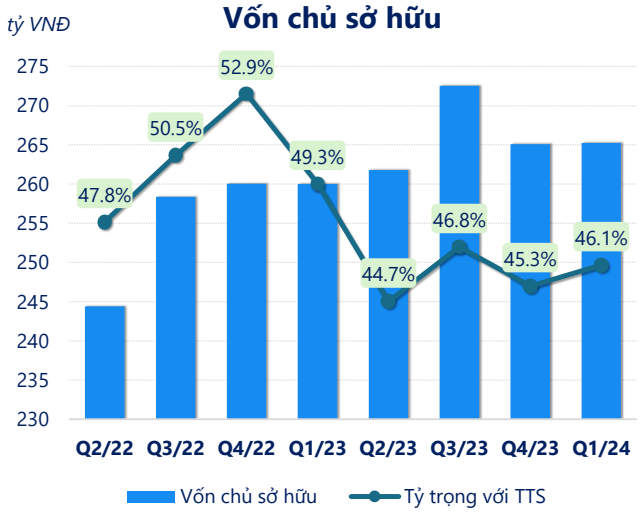

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

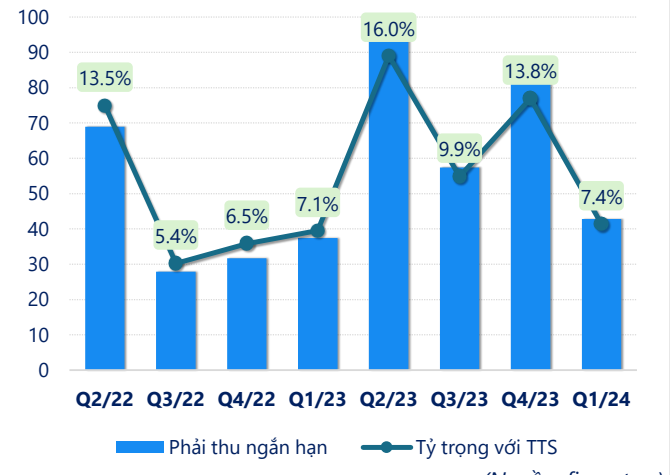

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

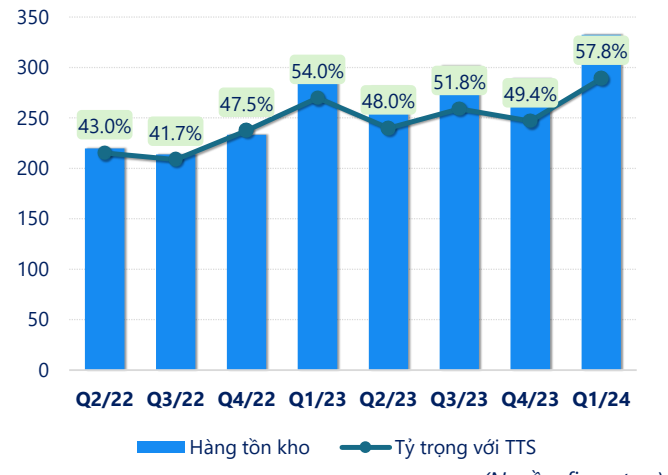

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

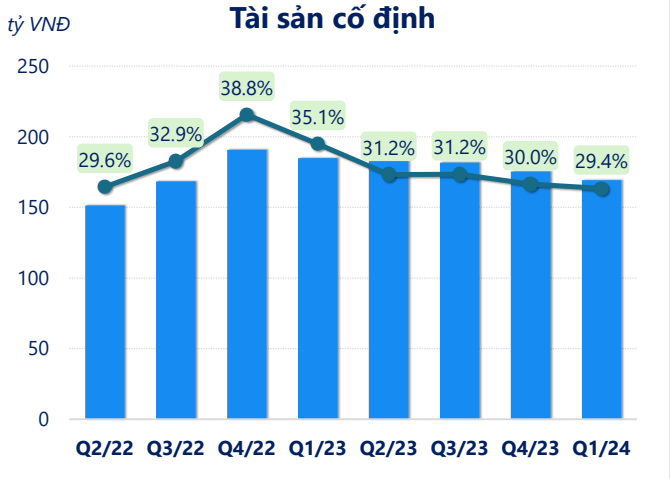

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

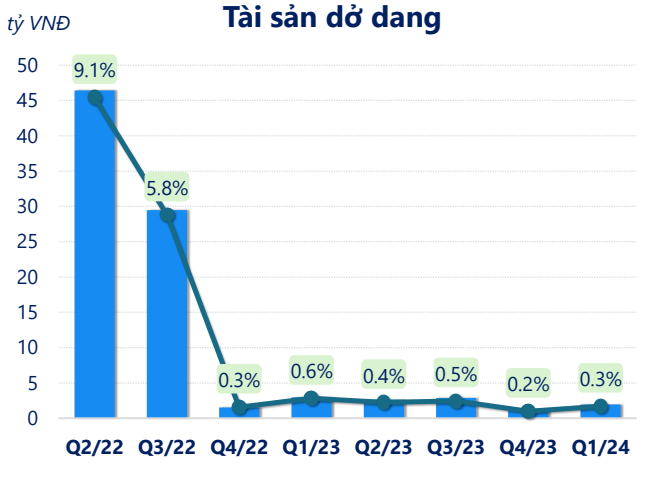

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

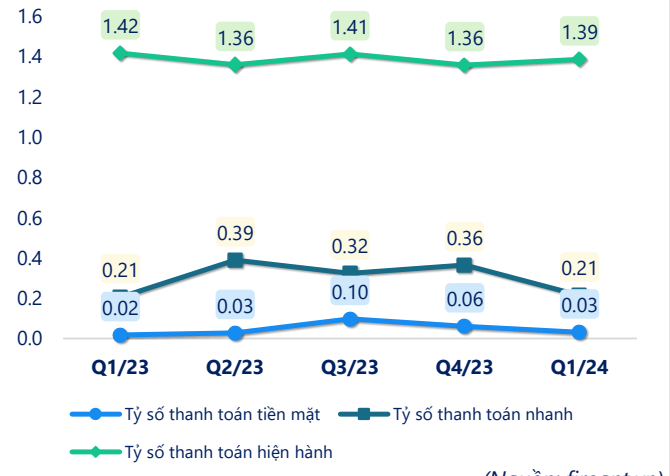

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

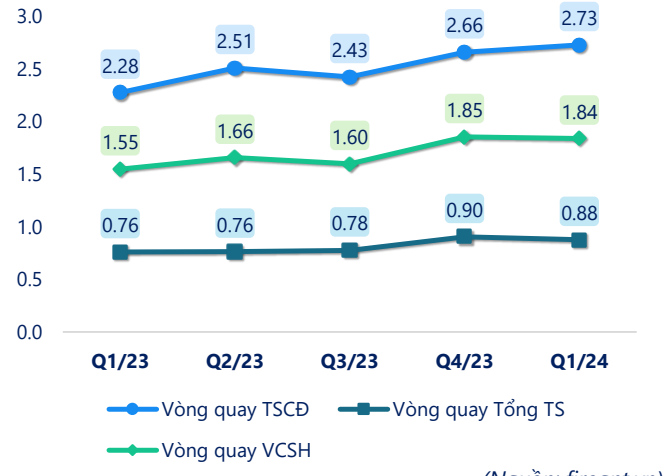

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**527**	**586**	**582**	**585**	**575**
Tài sản ngắn hạn	**333**	**394**	**391**	**395**	**393**
Tiền và tương đương tiền	4.15	8.15	27.1	17.7	8.68
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	37.4	94.0	57.4	81.1	42.8
Hàng tồn kho	284	281	301	289	332
Tài sản ngắn hạn khác	6.61	10.7	5.26	7.28	9.20
Tài sản dài hạn	**194**	**192**	**191**	**190**	**182**
Phải thu dài hạn	3.35	3.92	3.32	10.2	7.68
Tài sản cố định	185	183	182	175	169
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.96	2.62	2.87	1.16	1.96
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.94	2.94	2.84	3.66	3.16
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**267**	**324**	**309**	**320**	**310**
Nợ ngắn hạn	**235**	**290**	**277**	**291**	**283**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	197	238	210	243	251
Phải trả người bán ngắn hạn	23.1	37.5	42.8	27.8	19.9
Nợ dài hạn	32.1	34.6	32.5	29.5	26.5
Vay và nợ thuê dài hạn	32.1	34.6	32.5	29.5	26.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**260**	**262**	**273**	**265**	**265**
Vốn chủ sở hữu	**260**	**262**	**273**	**265**	**265**
Vốn điều lệ	239	239	239	239	239
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)